TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN VỤ BẢN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2018
V/v ly hôn giữa ông Đ và bà Ng.

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN VỤ BẢN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Bà Bùi Thị Gấm
- *Các Hội thẩm N dân*:
1. Ông Trần Phi Thường
2. Bà Cù Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2018/TLST - HNGĐ ngày 09-7-2018 về việc ly hôn giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Xuân Đ - sinh năm 1967.
ĐKHKTT (nơi ở): Ấp Minh Hòa, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phù, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Ng - sinh năm 1966.
Trú tại: Đội 3, thôn Đại Lại, xã Vĩnh Hào, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Đ (vắng mặt bà Ng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09-7-2018, bản tự khai 14-7-2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vũ Xuân Đ trình bày như sau:

Về quan hệ hôn N: Ông và bà Phạm Thị Ng tự nguyện gặp gỡ, tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban N dân xã Vĩnh Hào, huyện V, tỉnh Nam Định vào năm 1989. Sau kết hôn được một thời gian ngắn thì bà Ng sinh con, ông Đ nghi ngờ đây không phải con của ông nên giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 1992, ông cảm thấy không thể sống chung cùng bà Phạm Thị Ng nữa nên đã bỏ đi

làm ăn tại ấp Minh Hòa, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Ông và bà Phạm Thị Ng sống ly thân từ năm 1992 cho đến nay. Từ thời điểm sống ly thân ông và bà Ng không còn quan tâm gì đến nhau nữa, hiện nay ông đã có cuộc sống riêng. Ông Đ xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Phạm Thị Ng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, hôn N thực tế đã chấm dứt từ lâu do đó ông đề nghị xin được ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa ông và bà Ng sinh được 02 người con là: Vũ NA – sinh ngày 14-11-1989 và Vũ Thế N – sinh ngày 25-10-1991. Hiện nay anh Anh và anh N đã thành niên, lao động tự lập được nên ông không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác có liên quan: Ông Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-8-2018 bị đơn là bà Phạm Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn N: Bà và ông Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Vĩnh Hào vào ngày 31-8-1989. Sau kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng diễn ra bình thường đến năm 1992 ông Đ ngoại tình với người phụ nữ khác và cùng người phụ nữ đó bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Từ ngày bỏ nhà đi, ông Đ thỉnh thoảng có về quê, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 1992 đến nay. Nay ông Đ đã sinh sống với người phụ nữ khác nhưng bà vẫn còn tình cảm với ông Đ, bà muốn con cái có đầy đủ cha, mẹ nên bà không đồng ý ly hôn với ông Đ. Bà đề nghị giải quyết được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Giữa bà và ông Đ có 02 người con chung là Vũ NA – sinh ngày 14-11-1989 và Vũ Thế N – sinh ngày 25-10-1991. Hiện nay các con của ông bà đã thành niên, lao động tự lập được nên bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Bà Ng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 22-8-2018 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hào, huyện V, địa phương cung cấp như sau: Ông Đ và bà Ng có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hào vào ngày 31-8-1989, vào năm 1992 ông Đ bỏ vào miền nam sinh sống, bà Ng và các con vẫn sinh sống tại địa phương. Từ ngày bỏ đi ông Đ rất ít trở về địa phương. Giữa ông Đ và bà Ng có 02 người con chung là Vũ NA – sinh ngày 14-11-1989 và Vũ Thế N – sinh ngày 25-10-1991. Hiện nay các con của ông Đ, bà Ng đã thành niên, lao động tự lập được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn N và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn N: Xử ly hôn giữa ông Vũ Xuân Đ và bà Phạm Thị Ng.

+ Về con chung: Anh Vũ NA – sinh ngày 14-11-1989 và anh Vũ Thế N – sinh ngày 25-10-1991 đã thành niên, lao động tự lập được, các đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn N: Ông Vũ Xuân Đ và bà Phạm Thị Ng tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban N dân xã Vĩnh Hào, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 31-8-1989. Như vậy cuộc hôn N của ông Đ và bà Ng là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn N và gia đình năm 2014.

Về tình trạng hôn N: Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời khai của đương sự về nguyên N mâu thuẫn gia đình là do ông Đ nghi ngờ bà Ng không chung thủy; Bà Ng cho rằng ông Đ ngoại tình nên đã bỏ đi sinh sống với người phụ nữ khác. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống ông Đ, bà Ng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, 21 Luật hôn N gia đình năm 2014. Mặt khác ông Đ và bà Ng đều công nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1992 đến nay, như vậy hôn N của ông bà đã chấm dứt gần 26 năm. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn N gia đình của ông Đ, bà Ng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn N và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Ông Đ và bà Ng có 02 người con chung là Vũ NA – sinh ngày 14-11-1989 và Vũ Thế N – sinh ngày 25-10-1991. Hiện nay anh Anh và anh N đã thành niên, lao động tự lập được, đương sự không đề nghị nên Toag án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Vũ Xuân Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 Luật hôn N và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử ly hôn giữa ông Vũ Xuân Đ và bà Phạm Thị Ng.

2. Các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không đề nghị nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ông Vũ Xuân Đ và bà Phạm Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bàn án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Đỗ Xuân Đ phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số BB/2012/09813 ngày 09-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Vĩnh Hào;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm